

Bản án số: 137/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Nhân

2. Ông Lê Minh Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dương - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

HKTT: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

Hiện trú tại: 782/3 đường Q, phường H, Quận T, TP. Hồ Chí Minh

*** Bị đơn:** Anh Phạm Hồng Q, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

(Chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, các thủ tục tố tụng tiếp theo nguyên đơn chị Lê Thị T1 trình bày:** Chị và anh Phạm Hồng Q có thời gian tìm hiểu khoảng 02 tháng và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà chồng ở N được 01 năm thì chuyển vào sống và làm việc tại TP. H, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau về chuyện công việc và

tiền bạc, nhiều lần còn xảy ra xô xát đánh nhau nên không khí trong gia đình luôn căng thẳng. Cha mẹ hai bên đã nhiều lần gọi anh chị về tỉnh B để hòa giải cho vợ chồng hàn gắn nhưng cả hai vẫn mâu thuẫn căng thẳng, đến tháng 02 năm 2019 thì chị quyết định đưa con ra thuê phòng trọ khác sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chung sống không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Hồng Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Phạm Ngọc Bảo T2, sinh ngày 03.12.2016 hiện đang ở với chị, ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Phạm Hồng Q nhưng anh Q không đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T1 được ly hôn với anh Phạm Hồng Q.
- Con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Bảo T2 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T1 không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.
- Về tài sản chung: Chị T1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết
- Về án phí: Chị Lê Thị T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Hồng Q được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T1, anh Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị T1 và anh Phạm Hồng Q được xác lập vào năm 2015, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N theo đúng quy định của luật hôn nhân gia đình. Tuy nhiên chị T1 và anh Q chung sống với nhau

trong một khoảng thời gian ngắn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo lời khai của chị T1 thì nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ công việc, tiền bạc nên giữa vợ chồng thường nảy sinh kinh cãi và nhiều lần xô xát đánh nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng dẫn đến sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, do không thể thu thập được lời khai của anh Phạm Hồng Q nhưng qua xác minh cha mẹ ruột của anh Q là ông Phạm Đình B và bà Nguyễn Thị Xuân H cung cấp cho thấy việc vợ chồng chị T1, anh Q mâu thuẫn với nhau hai bên gia đình xui gia cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, chị T1 vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn. Từ khi thụ lý vụ án đến khi tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, giao thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho gia đình anh Q nhưng anh Q không đến Tòa án để trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn giữa chị T1 và anh Q đã căng thẳng và thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Lê Thị T1 được ly hôn với anh Phạm Hồng Q là phù hợp với thực tế mâu thuẫn.

[2.2] Về con chung: Chị T1 xác định vợ chồng có 01 người con tên Phạm Ngọc Bảo T2, sinh ngày 03.12.2016, chị T1 yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của chị T1, thấy rằng: Từ lúc vợ chồng mâu thuẫn sống ly thân, cháu T2 vẫn do chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng và tại thời điểm xét xử, cháu T2 chưa tròn 05 tuổi, cháu vẫn còn nhỏ và rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Phạm Ngọc Bảo T2 cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; chị T1 không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T1 được ly hôn với anh Phạm Hồng Q.
- 2- Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao người con tên Phạm Ngọc Bảo T2, sinh ngày 03.12.2016 cho chị Lê Thị T1 tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng,

chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 không yêu cầu giải quyết.

4- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị T1 phải chịu 300.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001375 ngày 07.10.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị Lê Thị T1 và anh Phạm Hồng Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND xã N
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ